

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2018/DSST

Ngày : 30/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Cẩm

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Lầu x, Số nhà xxx-xxx đường N, phường z, quận y, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Thế A- Trưởng phòng Giao dịch N, chi nhánh Đ. (Theo văn bản ủy quyền số 3898/2017/GUQ-PL ngày 14/12/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S và văn bản ủy quyền số 1073/2017/GUQ-CNDL ngày 26/12/2017 của Giám đốc Chi nhánh Đ – Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số xxx đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Trần P (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Số xxx đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Khôi xx, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung:** Ngày 31/12/2016, ông Trần P có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S. Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp tín dụng, ông Trần P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 19.640.000 đồng. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông Trần P chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng. Do đó, khoản nợ của ông Trần P đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần P có nghĩa vụ thanh toán số là 36.629.137 đồng (Trong đó gồm: gốc 19.640.000đ, phí thẻ: 349.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 20/11/2018 là 16.640.137 đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Không yêu cầu tính phí trễ hạn và phí vượt hạn mức.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần P trình bày: Ngày 31/12/2016, ông có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S. Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp tín dụng, ông Trần P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 19.640.000 đồng. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông Trần P chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc còn nợ là 19.640.000 đồng cùng lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 19/6/2018 là 14.722.997 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc thì ông có ý kiến: ông đồng ý trả số tiền gốc đã vay và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng về thẩm quyền, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ để xác định: Ngày 31/12/2016, ông Trần P được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ngày 31/01/2017 ông P đã sử dụng số tiền 19.640.000 đồng và cho đến nay chưa thanh toán được khoản nợ nào. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi xuất tạm tính đến ngày ngày 20/11/2018 là 36.629.137 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần

S. Buộc ông Trần P phải thanh toán số tiền đã vay gốc và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 20/11/2018 là 36.629.137 đồng. Tiếp tục tính lãi suất cho đến khi ông P thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần P phải thanh toán số tiền vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn là ông Trần P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai nhận của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 31/12/2016, ông Trần P có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp tín dụng đến ngày 31/01/2017, ông Trần P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 19.640.000 đồng. Đồng thời, từ đó cho đến nay ông P chưa thanh toán được khoản tiền gốc và lãi suất nào cho Ngân hàng TMCP S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Trần P có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 19.640.000đ, phí thẻ: 349.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 20/11/2018 là 16.640.137 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận. Đối với các khoản phí trễ hạn và phí vượt hạn mức: Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn ông Trần P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Ông Trần P có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 36.629.137 đồng (Trong đó: số tiền vay gốc là 19.640.000 đồng, phí thẻ: 349.000 đồng và lãi suất 16.640.137 đồng). Tiếp tục tính lãi xuất phát sinh theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 15/12/2016 cho đến khi ông Trần P thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về án phí: Ông Trần P phải chịu 1.831.460 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 859.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0007706 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải An